



ĐIỀU LỆ CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ

MỤC LỤC

	Trang
CHƯƠNG I	4
ĐIỀU KHOẢN CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi trách nhiệm	4
Điều 2. Tên doanh nghiệp.....	4
Điều 3. Trụ sở chính của Công Ty, chi nhánh và văn phòng đại diện.....	4
Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh.....	4
Điều 5. Thời hạn hoạt động.....	5
Điều 6. Người đại diện theo pháp luật.....	5
CHƯƠNG II	6
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN	6
Điều 7. Vốn Điều Lệ.....	6
Điều 8. Cổ phần.....	6
Điều 9. Quyền của cổ đông phổ thông.....	6
Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông.....	8
Điều 11. Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông ưu đãi cổ tức.....	8
Điều 12. Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông ưu đãi hoàn lại.....	8
Điều 13. Cổ phiếu hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần.....	8
Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông.....	9
Điều 15. Chào bán cổ phần.....	9
Điều 16. Giá bán cổ phần.....	9
Điều 17. Chuyển nhượng cổ phần.....	10
Điều 18. Phát hành trái phiếu và các loại chứng khoán khác.....	10
Điều 19. Mua cổ phần, trái phiếu.....	10
Điều 20. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông.....	10
Điều 21. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty.....	11
Điều 22. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	11
Điều 23. Trả cổ tức.....	11
Điều 24. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức.....	12
CHƯƠNG III	12
CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY	12
Điều 25. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty.....	12
Điều 26. Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	13
Điều 27. Thẩm quyền triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	13
Điều 28. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	14
Điều 29. Chương trình và nội dung họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	15
Điều 30. Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	15
Điều 31. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	16
Điều 32. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	16
Điều 33. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	16
Điều 34. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	18
Điều 35. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua.....	18
Điều 36. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	18
Điều 37. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	20
Điều 38. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	20
Điều 39. Hiệu lực các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.....	21
Điều 40. Hội Đồng Quản Trị.....	21
Điều 41. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	22
Điều 42. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	23
Điều 43. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.....	23
Điều 44. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Nghị quyết bằng văn bản của Hội Đồng Quản Trị.....	24
Điều 45. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.....	25
Điều 46. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	26

Điều 47.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị.....	26
Điều 48.	Tổng Giám Đốc Công Ty	26
Điều 49.	Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát	27
Điều 50.	Công khai các lợi ích liên quan.....	27
Điều 51.	Trách nhiệm của người quản lý Công Ty	28
Điều 52.	Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc	29
Điều 53.	Hợp đồng, giao dịch phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.....	29
Điều 54.	Ban Kiểm Soát	30
Điều 55.	Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm Soát Viên.....	30
Điều 56.	Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát	30
Điều 57.	Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát.....	31
Điều 58.	Trách nhiệm của Kiểm Soát Viên	32
Điều 59.	Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên	32
CHƯƠNG IV.....		32
THỐNG KÊ KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN		32
Điều 60.	Đồng tiền hạch toán	32
Điều 61.	Năm tài chính.....	32
Điều 62.	Báo cáo tài chính.....	32
Điều 63.	Phân phối lợi nhuận	33
CHƯƠNG V		33
CON DẦU.....		33
Điều 64.	Con dấu	33
TÓ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ.....		33
Điều 65.	Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công Ty.....	33
Điều 66.	Giải thể Công Ty.....	33
CHƯƠNG VII.....		34
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG.....		34
Điều 67.	Hiệu lực của Điều Lệ, sửa đổi, bổ sung Điều Lệ.....	34

1/0
 1/0
 1/0

H. H. O. D. M.

ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ

Chúng tôi, các cổ đông của CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ (dưới đây gọi tắt là "Công Ty") cùng đồng ý thông qua Điều Lệ này.

CHƯƠNG I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Phạm vi trách nhiệm

Mỗi cổ đông của Công Ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công Ty.

Điều 2. Tên doanh nghiệp

2.1 Tên Công Ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ

2.2 Tên Công Ty viết bằng tiếng nước ngoài:

ARGO NUTRITION INTERNATIONAL JOINT STOCK COMPANY

2.3 Tên Công Ty viết tắt: **ANCO JSC**

Điều 3. Trụ sở chính của Công Ty, chi nhánh và văn phòng đại diện

3.1 Trụ sở chính của Công Ty đặt tại: Lô A4, đường số 2, Khu Công Nghiệp Sông Mã, xã Bắc Sơn, huyện Tràng Bom, tỉnh Đồng Nai.

3.2 Công Ty có Chi nhánh có tên gọi: Công Ty Cổ Phần Dinh Dưỡng Nông Nghiệp Quốc Tế - Chi nhánh Hà Nam, địa chỉ: Lô A, Khu Công Nghiệp Đồng Văn, xã Duy Minh, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh

4.1 Công Ty sẽ tiến hành thực hiện các hoạt động kinh doanh sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản Chi tiết: Sản xuất, chế biến, gia công các sản phẩm thực ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080 (Chính)
2.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối hàng hóa bán buôn các loại nguyên liệu, vitamin và muối khoáng dùng để chế biến, pha trộn thực ăn gia súc thuộc nhóm hàng có mã HS là 0505909000, 0511999000, 1001, 1005, 1101, 1103, 1104, 1105, 1106, 1208, 2301, 2302, 2303, 2304, 2305, 2306, 2308, 2309, 2922, 2930, 2936 và 1201 theo quy định của pháp luật hiện hành. Bán buôn thực ăn và	4620

	nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản.	
3.	Chăn nuôi lợn Chi tiết: Chăn nuôi lợn (đầu tư và hợp tác chăn nuôi lợn với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước), không thực hiện tại trụ sở chính	0145
4.	Chăn nuôi gia cầm Chi tiết: Chăn nuôi gia cầm (đầu tư và hợp tác chăn nuôi gia cầm với tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước), không thực hiện tại trụ sở chính	0146
5.	Bán lẻ hàng hóa khác mới chưa được phân vào đầu trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Bán lẻ thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản	4773
6.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di chúc. Chi tiết: Cho thuê văn phòng, kho bãi, nhà xưởng.	6810

4.2 Ngoài các ngành, nghề kinh doanh nêu trên, Công Ty có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật không cấm.

Điều 5. Thời hạn hoạt động

5.1 Thời gian hoạt động của Công Ty: Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác hoặc chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều Lệ này, thời hạn hoạt động của Công Ty là vô thời hạn

5.2 Công Ty có thể chấm dứt hoạt động theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật

6.1 Công Ty có 02 (hai) người đại diện theo pháp luật.

6.2 Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc là người đại diện theo pháp luật của Công Ty.

6.3 Mỗi người đại diện theo pháp luật đại diện cho Công Ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch của Công Ty, đại diện cho Công Ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này.

6.4 Trường hợp Công Ty thay đổi bất kỳ người đại diện theo pháp luật, Hội Đồng Quản Trị chịu trách nhiệm thực hiện các thủ tục cần thiết để thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công Ty theo quy định của pháp luật, bao gồm xin chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

6.5 Thông tin về người đại diện theo pháp luật của Công Ty:

6.5.1 Ông: **PHẠM PHÚ NGỌC TRAI**

Sinh ngày: 20/02/1955 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 020039388 Ngày cấp: 13/9/2004 Nơi cấp: Công an TP. HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhà số 106 Khu biệt thự Phú Gia, số 1 Ha Huy Tập, phường Tân Phong, quận 7, TP. HCM.

Chỗ ở hiện tại: Nhà số 106 Khu biệt thự Phú Gia, số 1 Ha Huy Tập, phường Tân Phong, quận 7, TP. HCM.

==
:60
|
C/C
C/C
H
'G,
101
-
H.
==

Chức vụ: Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

6.5.2 Ông: **PHẠM TRUNG LÂM**

Sinh ngày: 09/8/1973 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 024799922 Ngày cấp: 23/9/2007 Nơi cấp: Công an TP. HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 967W6 Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4, TP. HCM

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

CHƯƠNG II

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ ĐÔNG, CỔ PHẦN

Điều 7. Vốn Điều Lệ

- 7.1 Vốn Điều Lệ của Công Ty: 200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng).
- 7.2 Số Vốn Điều Lệ này được chia thành: 20.000.000 (Hai mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND mỗi cổ phần.
- 7.3 Vốn Điều Lệ có thể tăng hoặc giảm theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 8. Cổ phần

- 8.1 Công Ty phát có cổ phần phổ thông. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông.
- 8.2 Ngoài cổ phần phổ thông, Công Ty có thể có cổ phần ưu đãi theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi. Cổ phần ưu đãi gồm các loại sau đây:
- 8.2.1 Cổ phần ưu đãi cố tức;
- 8.2.2 Cổ phần ưu đãi hoàn lại; và
- 8.2.3 Cổ phần ưu đãi khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 8.3 Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cố tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại và cổ phần ưu đãi khác do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.
- 8.4 Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.
- 8.5 Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 9. Quyền của cổ đông phổ thông

- 9.1 Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
- 9.1.1 Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền; thực hiện biểu quyết khi Công Ty tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- 9.1.2 Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

=
01
—
N1
PI
DI
VE
: ;
—
T
=

- 9.1.3 Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công Ty, trừ trường hợp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyết định khác;
- 9.1.4 Được tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho cổ đông khác và cho người không phải là cổ đông Công Ty;
- 9.1.5 Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết của Công Ty và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- 9.1.6 Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều Lệ Công Ty, biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông và các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- 9.1.7 Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty; và
- 9.1.8 Các quyền khác theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.
- 9.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có các quyền sau đây:
- 9.2.1 Đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát (nếu có);
- 9.2.2 Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm và các báo cáo của Ban Kiểm Soát;
- 9.2.3 Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong trường hợp quy định tại Điều 9.3 của Điều Lệ này; và
- 9.2.4 Yêu cầu Ban Kiểm Soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và có đầy đủ các thông tin như quy định tại điểm d khoản 2 Điều 114 Luật Doanh Nghiệp.
- 9.3 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 9.2 của Điều Lệ này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong một trong các trường hợp sau đây:
- 9.3.1 Hội Đồng Quản Trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao; hoặc
- 9.3.2 Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội Đồng Quản Trị mới chưa được bầu thay thế.
- Yêu cầu triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được lập bằng văn bản và phải có đầy đủ các thông tin như quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh Nghiệp. Kèm theo yêu cầu phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- 9.4 Việc đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát quy định tại Điều 9.2.1 của Điều Lệ này được thực hiện như sau:
- 9.4.1 Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; và
- 9.4.2 Căn cứ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 9.2 của Điều Lệ này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông làm ứng cử viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 10. Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau đây:

- 10.1 Thanh toán đủ và đúng hạn số cổ phần cam kết mua;
- 10.2 Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công Ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công Ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công Ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- 10.3 Tuân thủ Điều Lệ này và quy chế quản lý nội bộ Công Ty;
- 10.4 Chấp hành các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và Hội Đồng Quản Trị; và
- 10.5 Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.

Điều 11. Cổ phần ưu đãi cổ tức và quyền của cổ đông ưu đãi cổ tức

- 11.1 Cổ phần ưu đãi cổ tức là cổ phần được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc mức ổn định hàng năm. Cổ tức được chia hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công Ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thưởng được ghi trên cổ phiếu (hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần) của cổ phần ưu đãi cổ tức.
- 11.2 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức có các quyền sau đây:
 - 11.2.1 Nhận cổ tức theo quy định tại khoản 11.1 Điều này;
 - 11.2.2 Khi Công Ty giải thể hoặc phá sản, được nhận phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công Ty sau khi Công Ty đã thanh toán hết các khoản nợ và cho cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại; và
 - 11.2.3 Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 11.3 Điều này.
- 11.3 Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức không có quyền biểu quyết và dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, không có quyền biểu quyết khi Công Ty tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, không có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

Điều 12. Cổ phần ưu đãi hoàn lại và quyền của cổ đông ưu đãi hoàn lại

- 12.1 Cổ phần ưu đãi hoàn lại là cổ phần được Công Ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu (hoặc giấy chứng nhận sở hữu cổ phần) của cổ phần ưu đãi hoàn lại.
- 12.2 Ngoài quyền quy định tại khoản 1 Điều này, cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại có các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ trường hợp quy định tại khoản 12.3 Điều này.
- 12.3 Cổ đông sở hữu cổ phần hoàn lại không có quyền biểu quyết và dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, không có quyền biểu quyết khi Công Ty tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, không có quyền đề cử người vào Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát.

Điều 13. Cổ phiếu hoặc Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần

- 13.1 Mỗi cổ đông của Công Ty sẽ được Công Ty cấp giấy chứng nhận sở hữu cổ phần hoặc chứng chỉ cổ phiếu ghi nhận quyền sở hữu của cổ đông đó đối với một hoặc một số cổ phần của Công Ty (sau đây gọi là cổ phiếu).

- 13.2 Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công Ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công Ty phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.
- 13.3 Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được Công Ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung như quy định tại khoản 3 Điều 120 Luật Doanh Nghiệp.

Đối với cổ phiếu ghi nhận việc sở hữu số cổ phần có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của Công Ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị Công Ty cấp cổ phiếu mới.

Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông

- 14.1 Công Ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung như quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật Doanh Nghiệp.
- 14.2 Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 14.3 Điều này. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép các thông tin liên quan đến cổ đông đó trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc của Công Ty.
- 14.3 Khi Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán, sổ đăng ký cổ đông của Công Ty sẽ được lưu giữ tại Trung tâm lưu ký chứng khoán. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép các thông tin liên quan đến cổ đông đó trong sổ đăng ký cổ đông theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán.
- 14.4 Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công Ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công Ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo về việc thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

Điều 15. Chào bán cổ phần

- 15.1 Chào bán cổ phần là việc Công Ty tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng vốn điều lệ.
- 15.2 Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:
- 15.2.1 Chào bán cho tất cả các cổ đông hiện hữu của Công Ty theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ tại Công Ty và theo quy định của pháp luật;
- 15.2.2 Chào bán ra công chúng theo quy định của Luật Doanh Nghiệp và pháp luật về chứng khoán;
- 15.2.3 Chào bán cổ phần riêng lẻ theo quy định của pháp luật; và
- 15.2.4 Chào bán cho nhân viên, người lao động theo chương trình sở hữu cổ phần dành cho người lao động.
- 15.3 Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông của Công Ty. Kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công Ty.
- 15.4 Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, Công Ty sẽ phát hành và trao cổ phiếu cho người mua.

Điều 16. Giá bán cổ phần

Hội Đồng Quản Trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm chào bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ những trường hợp sau đây:

- 16.1 Cổ phần chào bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
- 16.2 Cổ phần chào bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ tại Công Ty;
- 16.3 Cổ phần chào bán cho người mới giới hoặc người bảo lãnh. Trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- 16.4 Cổ phần chào bán để (x) thực hiện chuyển đổi khoản vay chuyển đổi, trái phiếu chuyển đổi hoặc các chứng khoán khác do Công Ty phát hành có khả năng chuyển đổi thành cổ phần của Công Ty, (y) thực hiện các quyền chọn mua, quyền chọn bán hay chứng quyền mà Công Ty đã cam kết hoặc (z) thực hiện các cam kết khác của Công Ty;
- 16.5 Cổ phần chào bán cho nhân viên, người lao động theo chương trình sở hữu cổ phần dành cho người lao động; và
- 16.6 Các trường hợp khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 17. Chuyển nhượng cổ phần

- 17.1 Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp có thỏa thuận về hạn chế chuyển nhượng cổ phần giữa Công Ty và người mua cổ phần trong hợp đồng mua cổ phần.
- 17.2 Thủ tục chuyển nhượng cổ phần của Công Ty sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định, trừ trường hợp quy định tại khoản 17.3 Điều này.
- 17.3 Khi Công Ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán, việc chuyển nhượng cổ phần của Công Ty sẽ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 18. Phát hành trái phiếu và các loại chứng khoán khác

- 18.1 Công Ty có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật.
- 18.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc phát hành các loại trái phiếu khác.
- 18.3 Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định phát hành các loại chứng khoán khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 19. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu và các loại chứng khoán khác của Công Ty có thể được mua bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, giá trị quyền sử dụng đất, giá trị quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, và/hoặc các tài sản khác.

Điều 20. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

- 20.1 Cổ đông biểu quyết phân đối quyết định về việc tổ chức lại Công Ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều Lệ này có quyền yêu cầu Công Ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải có các thông tin quy định tại khoản 1 Điều 129 Luật Doanh Nghiệp. Yêu cầu phải được gửi đến Công Ty trong thời hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quyết định về một trong các vấn đề quy định tại khoản này.
- 20.2 Công Ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Khoản 20.1 Điều này với giá theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày

nhận được yêu cầu. Trường hợp không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức định giá chuyên nghiệp định giá. Công Ty giới thiệu ít nhất ba tổ chức định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 21. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công Ty

Công Ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

- 21.1 Hội Đồng Quản Trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi mười hai (12) tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.
- 21.2 Hội Đồng Quản Trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 dưới đây. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công Ty và cổ đông có liên quan không có thoả thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.
- 21.3 Công Ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong Công Ty. Trong trường hợp này, quyết định mua lại cổ phần của Công Ty phải được thông báo cho tất cả cổ đông của Công Ty, trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi ban chào bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công Ty trong thời hạn ba mươi ngày, kể từ ngày thông báo. Công Ty chỉ mua lại cổ phần được chào bán trong thời hạn nói trên.

Điều 22. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

- 22.1 Công Ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Điều Lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công Ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
- 22.2 Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 20 và Điều 21 của Điều Lệ này được coi là cổ phần chưa bán theo quy định của Luật Doanh Nghiệp. Công Ty phải làm thủ tục giám vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá của các cổ phần được Công Ty mua lại theo quy định của pháp luật.
- 22.3 Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu số cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi số cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu gây ra đối với Công Ty.
- 22.4 Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công Ty giảm hơn 10% thì Công Ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

Điều 23. Trả cổ tức

- 23.1 Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
- 23.2 Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công Ty. Công Ty chỉ được trả cổ tức cho cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:
 - 23.2.1 Công Ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
 - 23.2.2 Công Ty đã bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật; và ✓



- 23.2.3 Ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Công Ty vẫn phải bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
- 23.3 Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công Ty hoặc bằng tài sản khác theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam. Cổ tức có thể được thanh toán bằng chuyển khoản qua ngân hàng khi Công Ty đã có đủ chi tiết về tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu Công Ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng như thông báo của cổ đông thì Công Ty không chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ việc chuyển khoản đó.
- 23.4 Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn sáu (06) tháng, kể từ ngày Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua việc chia cổ tức đó. Chậm nhất ba mươi ngày trước mỗi lần trả cổ tức, Hội Đồng Quản Trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của tất cả cổ đông chậm nhất mười lăm ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau đây:
- 23.4.1 Tên và các thông tin của cổ đông;
- 23.4.2 Số lượng cổ phần từng loại mà cổ đông sở hữu; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- 23.4.3 Thời điểm và phương thức trả cổ tức; và
- 23.4.4 Họ tên và chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.
- 23.5 Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm chốt danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công Ty.
- 23.6 Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công Ty phải thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật.
- Điều 24. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần mua lại hoặc cổ tức**
- Trường hợp việc thanh toán cổ phần mua lại trái với quy định tại Điều 22.1 hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 23 của Điều Lệ này thì các cổ đông phải hoàn trả cho Công Ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho Công Ty thì tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công Ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG III

CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY

Điều 25. Cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty

Cơ cấu tổ chức quản lý của Công Ty gồm có:

- 25.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- 25.2 Hội Đồng Quản Trị;
- 25.3 Tổng Giám Đốc; và
- 25.4 Ban Kiểm Soát.

Điều 26. Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 26.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công Ty.
- 26.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - 26.2.1 Thông qua định hướng phát triển của Công Ty.
 - 26.2.2 Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần; quyết định việc Công Ty phát hành trái phiếu và các loại chứng khoán khác theo Điều 18 của Điều Lệ này.
 - 26.2.3 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;
 - 26.2.4 Quyết định đầu tư, quyết định giao dịch mua hoặc bán tài sản của Công Ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty;
 - 26.2.5 Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều Lệ này;
 - 26.2.6 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - 26.2.7 Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - 26.2.8 Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát gây thiệt hại cho Công Ty và cổ đông Công Ty;
 - 26.2.9 Quyết định tổ chức lại, giải thể Công Ty; và
 - 26.2.10 Quyết định việc trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi theo quy định tại Điều Lệ này; và
 - 26.2.11 Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh Nghiệp.

Điều 27. Thẩm quyền triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 27.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
- 27.2 Đại Hội Đồng Cổ Đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội Đồng Quản Trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- 27.3 Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - 27.3.1 Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - 27.3.2 Báo cáo tài chính hằng năm;
 - 27.3.3 Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và từng thành viên Hội Đồng Quản Trị;
 - 27.3.4 Báo cáo của Ban Kiểm Soát về kết quả kinh doanh của Công Ty, về kết quả hoạt động của Hội Đồng Quản Trị và Tổng Giám Đốc;
 - 27.3.5 Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm Soát và của từng Kiểm Soát Viên;
 - 27.3.6 Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; và
 - 27.3.7 Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- 27.4 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp bất thường Đại Hội Đồng Cổ Đông trong một trong các trường hợp sau đây:
- 27.4.1 Hội Đồng Quản Trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty;
- 27.4.2 Số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- 27.4.3 Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 9.2 của Điều Lệ này; và
- 27.4.4 Theo yêu cầu của Ban Kiểm Soát.
- 27.5 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát còn lại như quy định Điều 27.4.2 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại các Điều 27.4.3 và 27.4.4 của Điều Lệ này.
- Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông như quy định trên thì Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị và các thành viên Hội Đồng Quản Trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công Ty.
- 27.6 Trường hợp Hội Đồng Quản Trị không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 27.5 trên thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban Kiểm Soát thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Điều Lệ này. Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông như quy định trên thì Ban Kiểm Soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công Ty.
- 27.7 Trường hợp Ban Kiểm Soát không triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 27.6 thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Điều 9.2 có quyền đại diện Công Ty triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của Điều Lệ này.
- 27.8 Người triệu tập họp phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:
- 27.8.1 Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- 27.8.2 Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- 27.8.3 Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- 27.8.4 Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- 27.8.5 Dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên;
- 27.8.6 Xác định thời gian và địa điểm họp;
- 27.8.7 Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều Lệ này; và
- 27.8.8 Các công việc khác phục vụ cuộc họp.
- 27.9 Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy tại Điều này sẽ do Công Ty thanh toán hoặc hoàn lại cho người triệu tập.
- Điều 28. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông**
- 28.1 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của Công Ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được lập

không sớm hơn năm (5) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- 28.2 Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
- 28.3 Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao các thông tin liên quan đến cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về cổ đông đó trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 29. Chương trình và nội dung họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 29.1 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
- 29.2 Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 9.2 của Điều Lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Đồng Cổ Đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty chậm nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần mà cổ đông sở hữu, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- 29.3 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Điều 29.2 nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:
- 29.3.1 Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung, và
- 29.3.2 Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 29.4 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Điều 29.2 này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Điều 29.3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận.

Điều 30. Mời họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 30.1 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.
- 30.2 Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông. Khi xét thấy cần thiết, người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có thể quyết định đăng thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty, hoặc đăng báo hằng ngày của trung ương hoặc địa phương.
- 30.2.1 Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:
- 30.2.2 Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- 30.2.3 Phiếu biểu quyết; và
- 30.2.4 Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.
- 30.3 Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại Điều này có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công

Ty. Trong trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài tài liệu và Công Ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 31. Thực hiện quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

31.1 Cổ đông có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một người khác dự họp hoặc thông qua một trong các hình thức quy định tại Điều này. Cổ đông là tổ chức ủy quyền cho người được ủy quyền hoặc người khác dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định của pháp luật.

Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải lập thành văn bản theo mẫu do Công Ty phát hành. Người được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông không được ủy quyền lại cho người khác.

31.2 Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong một trong các trường hợp sau đây:

31.2.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

31.2.2 Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

31.2.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; và

31.2.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 32. Điều kiện tiến hành họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

32.1 Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty.

32.2 Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 32.1 thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty.

32.3 Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 32.2 thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty mà các cổ đông dự họp đại diện.

32.4 Chỉ có Đại Hội Đồng Cổ Đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 30 của Điều Lệ này.

Điều 33. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành theo quy định sau đây:

33.1 Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

33.2 Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được quy định như sau:

33.2.1 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội Đồng Quản Trị triệu tập; trường hợp Chủ Tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn

- lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số quĩ bán; trường hợp các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm Soát điều khiển để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- 33.2.2 Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông điều khiển để Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
- 33.2.3 Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp; và
- 33.2.4 Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
- 33.3 Chương trình và nội dung họp phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
- 33.4 Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- 33.5 Đại Hội Đồng Cổ Đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cổ đông ghi ý kiến tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến vào phiếu biểu quyết. Đối với các vấn đề liên quan đến thủ tục cuộc họp, các cổ đông có thể biểu quyết dưới hình thức giơ tay. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố trước khi bế mạc cuộc họp.
- 33.6 Cổ đông hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
- 33.7 Người triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông có các quyền sau đây:
- 33.7.1 Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; và
- 33.7.2 Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất ra khỏi cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh.
- 33.8 Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- 33.8.1 Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- 33.8.2 Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết; và
- 33.8.3 Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.
- Thời gian hoãn tối đa không quá ba (3) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc.
- 33.9 Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trái với quy định tại Điều 33.8, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông

qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 34. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 34.1 Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 34.2 Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông:
 - 34.2.1 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát;
 - 34.2.2 Thông qua báo cáo tài chính hằng năm.

Các vấn đề khác có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 35. Điều kiện để nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua

- 35.1 Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông khi có đáp ứng điều kiện sau đây:
 - 35.1.1 Được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Điều 35.1.2 và 35.1.3 dưới đây.
 - 35.1.2 Nghị quyết về một trong các vấn đề sau được thông qua nếu được số cổ đông đại diện cho ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành: (A) loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại của Công Ty, (B) thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công Ty, (C) thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty, (D) quyết định đầu tư, quyết định giao dịch mua hoặc bán tài sản của Công Ty có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty, và (E) tổ chức lại hoặc giải thể Công Ty; và
 - 35.1.3 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Kiểm Soát Viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội Đồng Quản Trị hoặc Ban Kiểm Soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.
- 35.2 Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty tán thành.
- 35.3 Nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty.

Điều 36. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 36.1 Hội Đồng Quản Trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công Ty.
- 36.2 Hội Đồng Quản Trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điều 28.1 và 28.2 của Điều Lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Điều Lệ này.
- 36.3 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 36.3.1 Tên cổ đông; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông.
- 36.3.2 Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua.
- 36.3.3 Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến.
- 36.3.4 Thời hạn phải gửi về Công Ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời; và
- 36.3.5 Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị của Công Ty.
- 36.4 Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công Ty theo một trong các hình thức sau đây:
- 36.4.1 Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
- 36.4.2 Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
- Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công Ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- 36.5 Hội Đồng Quản Trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm Soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công Ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- 36.5.1 Các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- 36.5.2 Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ;
- 36.5.3 Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- 36.5.4 Các vấn đề đã được thông qua;
- 36.5.5 Họ, tên, chữ ký của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị của Công Ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 36.6 Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công Ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty.
- 36.7 Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.
- 36.8 Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông.

Điều 37. Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 37.1 Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 37.1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - 37.1.2 Thời gian và địa điểm họp Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - 37.1.3 Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - 37.1.4 Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - 37.1.5 Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại Hội Đồng Cổ Đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - 37.1.6 Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - 37.1.7 Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến, tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - 37.1.8 Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng; và
 - 37.1.9 Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và nếu cần thiết, có thể được dịch sang tiếng Anh. Bản dịch tiếng Anh sẽ chỉ có giá trị tham khảo.
- 37.2 Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.
- 37.3 Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công Ty (nếu có).

Biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty.

Điều 38. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

Trong thời hạn chín mươi ngày (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại Hội Đồng Cổ Đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Điều 9.2 của Điều Lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng

tải xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông trong các trường hợp sau đây:

- 38.1 Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông không thực hiện đúng theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại Điều 39.2 của Điều Lệ này;
- 38.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều Lệ này.

Điều 39. Hiệu lực các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông

- 39.1 Các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
- 39.2 Các nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp (đối với trường hợp nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông) hoặc 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công Ty (đối với trường hợp nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản) là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
- 39.3 Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông theo quy định tại Điều 38 của Điều Lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 40. Hội Đồng Quản Trị

- 40.1 Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý Công Ty, có toàn quyền nhân danh Công Ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công Ty không thuộc thẩm quyền của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 40.2 Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - 40.2.1 Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;
 - 40.2.2 Kiểm nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - 40.2.3 Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - 40.2.4 Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công Ty; quyết định việc Công Ty phát hành trái phiếu theo quy định tại Điều 18.2 của Điều Lệ này;
 - 40.2.5 Quyết định mua lại cổ phần của Công Ty theo quy định tại Điều 21.1 của Điều Lệ này;
 - 40.2.6 Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Điều Lệ này và pháp luật;
 - 40.2.7 Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - 40.2.8 Quyết định đầu tư, quyết định giao dịch mua hoặc bán tài sản của Công Ty có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty; quyết định tất cả các giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty, ngoại trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- 40.2.9 Quyết định việc Công Ty cấp bảo lãnh; quyết định việc Công Ty dùng tài sản để cầm cố, thế chấp, hoặc làm biện pháp bảo đảm khác, để bảo đảm cho nghĩa vụ của Công Ty hoặc nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khác;
- 40.2.10 Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Vận Hành (Chief Operating Officer) (nếu có) và Giám Đốc Tài Chính (nếu có); quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp hoặc cổ phần của Công Ty tại công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- 40.2.11 Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám Đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công Ty;
- 40.2.12 Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua, bán cổ phần hoặc phần vốn góp của doanh nghiệp khác;
- 40.2.13 Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến đề Đại Hội Đồng Cổ Đông thông qua quyết định;
- 40.2.14 Trình báo cáo quyết toán tài chính hàng năm lên Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- 40.2.15 Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- 40.2.16 *Phân bổ, sử dụng Quỹ khen thưởng và phúc lợi hàng năm, bao gồm cả việc quyết định tiền thưởng theo thành tích hàng năm và thưởng đột xuất cho các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Toán, Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý khác của Công Ty.*
- 40.2.17 Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Công Ty; và
- 40.2.18 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh nghiệp.
- 40.3 Hội Đồng Quản Trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội Đồng Quản Trị có một phiếu biểu quyết.
- 40.4 Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội Đồng Quản Trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều Lệ này và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội Đồng Quản Trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ này gây thiệt hại cho Công Ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho Công Ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông sở hữu cổ phần của Công Ty liên tục trong thời hạn ít nhất một (01) năm có quyền yêu cầu Hội Đồng Quản Trị đình chỉ thực hiện nghị quyết nói trên.
- Điều 41. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị**
- 41.1 Hội Đồng Quản Trị có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên. Số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị cụ thể cho từng nhiệm kỳ sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định.
- 41.2 Nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội Đồng Quản Trị gắn liền với nhiệm kỳ của Hội Đồng Quản Trị và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội Đồng Quản Trị không nhất thiết phải thường trú tại Việt Nam.
- 41.3 Trường hợp tất cả thành viên Hội Đồng Quản Trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội Đồng Quản Trị cho đến khi có các thành viên Hội Đồng Quản Trị của nhiệm kỳ mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 42. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 42.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - 42.1.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp; và
 - 42.1.2 Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh.
- 42.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công Ty.
- 42.3 Thành viên Hội Đồng Quản Trị Công Ty có thể đồng thời là người quản lý của các doanh nghiệp khác.

Điều 43. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị

- 43.1 Hội Đồng Quản Trị bầu một thành viên của Hội Đồng Quản Trị làm Chủ Tịch theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có thể kiêm Tổng Giám Đốc Công Ty.
- 43.2 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - 43.2.1 Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội Đồng Quản Trị;
 - 43.2.2 Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
 - 43.2.3 Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;
 - 43.2.4 Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;
 - 43.2.5 Chủ tọa cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, cuộc họp Hội Đồng Quản Trị;
 - 43.2.6 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều Lệ này.
- 43.3 Trường hợp Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình trong thời hạn từ sáu mươi (60) ngày trở lên thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
- 43.4 Khi xét thấy cần thiết, Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị tuyển dụng thư ký Công Ty để hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị và Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều Lệ này. Thư ký Công Ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - 43.4.1 Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị; ghi chép các biên bản họp;
 - 43.4.2 Hỗ trợ thành viên Hội Đồng Quản Trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - 43.4.3 Hỗ trợ Hội Đồng Quản Trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công Ty;
 - 43.4.4 Hỗ trợ Công Ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - 43.4.5 Hỗ trợ Công Ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; và
 - 43.4.6 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Hội Đồng Quản Trị.
- 43.5 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

Điều 44. Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, Nghị quyết bằng văn bản của Hội Đồng Quản Trị

- 44.1 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội Đồng Quản Trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
- 44.2 Hội Đồng Quản Trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội Đồng Quản Trị họp tại trụ sở chính của Công Ty hoặc ở nơi khác theo quyết định của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.
- 44.3 Cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị do Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
- 44.4 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị khi có một trong các trường hợp sau đây:
- 44.4.1 Theo đề nghị của Ban Kiểm Soát;
- 44.4.2 Theo đề nghị của Tổng Giám Đốc;
- 44.4.3 Theo đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên của Hội Đồng Quản Trị.
- Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị.
- 44.5 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 44.4. Trường hợp Chủ Tịch không triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị theo đề nghị thì Chủ Tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công Ty; người đề nghị có quyền thay thế Hội Đồng Quản Trị triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị.
- 44.6 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập họp Hội Đồng Quản Trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội Đồng Quản Trị được đăng ký tại Công Ty.
- 44.7 Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm Soát Viên như đối với các thành viên Hội Đồng Quản Trị. Kiểm Soát Viên có quyền dự các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
- 44.8 Hội Đồng Quản Trị có thể mời Tổng Giám Đốc dự họp, thảo luận nhưng Tổng Giám Đốc không được quyền biểu quyết, trừ trường hợp Tổng Giám Đốc cũng là thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- 44.9 Cuộc họp Hội Đồng Quản Trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội Đồng Quản Trị dự họp.

- 44.10 Thành viên Hội Đồng Quản Trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - 44.10.1 Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - 44.10.2 Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 11 Điều này.
 - 44.10.3 Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
 - 44.10.4 Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

- 44.11 Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị.
- 44.12 Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội Đồng Quản Trị chấp thuận.
- 44.13 Hội Đồng Quản Trị có thể thông qua nghị quyết bằng việc lấy ý kiến các thành viên Hội Đồng Quản Trị bằng văn bản. Nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua khi có ý kiến tán thành của đa số các thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền biểu quyết đối với vấn đề được lấy ý kiến. Trường hợp số ý kiến tán thành và không tán thành ngang nhau thì ý kiến của Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị sẽ là ý kiến quyết định.

Điều 45. Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị

- 45.1 Các cuộc họp của Hội Đồng Quản Trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - 45.1.1 Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - 45.1.2 Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - 45.1.3 Thời gian, địa điểm họp;
 - 45.1.4 Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - 45.1.5 Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - 45.1.6 Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - 45.1.7 Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - 45.1.8 Các vấn đề đã được thông qua;
 - 45.1.9 Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.
Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội Đồng Quản Trị.
- 45.2 Biên bản họp Hội Đồng Quản Trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công Ty.

T.C.P.H 2010/11/2011

- 45.3 Biên bản lập bằng tiếng Việt và nếu cần thiết, có thể được dịch sang tiếng Anh. Bản dịch tiếng Anh sẽ chỉ có giá trị tham khảo.

Điều 46. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 46.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có quyền yêu cầu Tổng Giám Đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý các đơn vị trong Công Ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công Ty và của các đơn vị trong Công Ty.

- 46.2 Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội Đồng Quản Trị.

Điều 47. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị

- 47.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- 47.1.1 Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 42 của Điều Lệ này;

- 47.1.2 Không tham gia các hoạt động của Hội Đồng Quản Trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

- 47.1.3 Có đơn từ chức.

- 47.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- 47.3 Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông để bầu bổ sung thành viên Hội Đồng Quản Trị trong trường hợp số thành viên Hội Đồng Quản Trị của một nhiệm kỳ bị giảm quá một phần ba so với số thành viên Hội Đồng Quản Trị mà Đại Hội Đồng Cổ Đông đã quyết định cho nhiệm kỳ đó. Trường hợp này, Hội Đồng Quản Trị phải triệu tập họp Đại Hội Đồng Cổ Đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.

Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại Hội Đồng Cổ Đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội Đồng Quản Trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 48. Tổng Giám Đốc Công Ty

- 48.1 Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng Giám Đốc.

- 48.2 Tổng Giám Đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty; chịu sự giám sát của Hội Đồng Quản Trị; chịu trách nhiệm trước Hội Đồng Quản Trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

- 48.3 Nhiệm kỳ của Tổng Giám Đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- 48.4 Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám Đốc như sau:

- 48.4.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp; và

- 48.4.2 Có trình độ chuyên môn và/hoặc kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh.

- 48.5 Tổng Giám Đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 48.5.1 Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty mà không cần phải có quyết định của Hội Đồng Quản Trị;

- 48.5.2 Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;
- 48.5.3 Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;
- 48.5.4 Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- 48.5.5 Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công Ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội Đồng Quản Trị;
- 48.5.6 Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Công Ty, kể cả người lao động nắm giữ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám Đốc;
- 48.5.7 Tuyển dụng lao động;
- 48.5.8 Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- 48.5.9 Quyết định các giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét gần nhất của Công Ty, ngoại trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Hội Đồng Quản Trị;
- 48.5.10 Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ này và nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị.
- 48.6 Tổng Giám Đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều Lệ này, hợp đồng lao động ký với Công Ty và nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công Ty thì Tổng Giám Đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công Ty.

Điều 49. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm Soát

- 49.1 Công Ty có quyền trả thù lao cho thành viên Hội Đồng Quản Trị, thành viên Ban Kiểm Soát, trả lương cho Tổng Giám Đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- 49.2 Thù lao, tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, Ban Kiểm Soát được trả theo quy định sau đây:
 - 49.2.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát có thể được hưởng thù lao. Mức thù lao của Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
 - 49.2.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban Kiểm Soát có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chỉ trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao.
 - 49.2.3 Tổng Giám Đốc được trả lương và tiền thưởng. Tiền lương, thưởng và các quyền lợi khác của Tổng Giám Đốc do Hội Đồng Quản Trị quyết định.
- 49.3 Thù lao của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và tiền lương của Tổng Giám Đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công Ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công Ty và phải báo cáo Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 50. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hòa lợi ích và người có liên quan của Công Ty thực hiện theo quy định sau đây: ✓

- 50.1 Công Ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công Ty theo quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh Nghiệp và các giao dịch tương ứng của họ với Công Ty.
- 50.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác của Công Ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công Ty, bao gồm:
- 50.2.1 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- 50.2.2 Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cũng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ
- 50.3 Việc kê khai quy định tại Điều 50.2 phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công Ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 50.4 Việc công khai, xem xét, trích lục, sao chép Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Điều 50.1 và 50.2 được thực hiện như sau:
- 50.4.1 Công Ty phải thông báo Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên;
- 50.4.2 Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công Ty;
- 50.4.3 Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
- 50.4.4 Công Ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điều 50.4.3 tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của Công Ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.
- 50.5 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công Ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội Đồng Quản Trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội Đồng Quản Trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công Ty.

Điều 51. Trách nhiệm của người quản lý Công Ty

- 51.1 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám Đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:
- 51.1.1 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Điều Lệ này, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan, nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
- 51.1.2 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty;
- 51.1.3 Trung thành với lợi ích của Công Ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công Ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

51.1.4 Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công Ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối.

51.2 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 52. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc

52.1 Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (1%) số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn sáu (06) tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh Công Ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc trong các trường hợp sau đây:

52.1.1 Vi phạm nghĩa vụ người quản lý Công Ty theo quy định tại Điều 53 của Điều Lệ này;

52.1.2 Không thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời nghị quyết của Hội Đồng Quản Trị;

52.1.3 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều Lệ này hoặc nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông;

52.1.4 Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công Ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

52.1.5 Sử dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công Ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

52.2 Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của Công Ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.

Điều 53. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận

53.1 Hợp đồng, giao dịch giữa Công Ty với các đối tượng sau đây phải được Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc Hội Đồng Quản Trị chấp thuận:

53.1.1 Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công Ty và những người có liên quan của họ;

53.1.2 Thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc và người có liên quan của họ;

53.1.3 Doanh nghiệp quy định tại Điều 50.2 Điều Lệ này.

53.2 Hội Đồng Quản Trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Kiểm Soát Viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

53.3 Đại Hội Đồng Cổ Đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Điều 53.2. Trường hợp này, người đại diện Công Ty ký hợp đồng phải thông báo Hội Đồng Quản Trị và Kiểm Soát Viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội Đồng Quản Trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của

giao dịch tại cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; họp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

- 53.4 Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điều 53.2 và 53.3, gây thiệt hại cho Công Ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc Tổng Giám Đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công Ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 54. Ban Kiểm Soát

- 54.1 Ban Kiểm Soát có từ ba (03) đến năm (05) thành viên.
- 54.2 Nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát không quá năm (05) năm. Nhiệm kỳ của Kiểm Soát Viên gắn liền với nhiệm kỳ của Ban Kiểm Soát và Kiểm Soát Viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 54.3 Các Kiểm Soát Viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban Kiểm Soát theo nguyên tắc đa số. Ban Kiểm Soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban Kiểm Soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công Ty.
- 54.4 Trường hợp Kiểm Soát Viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm Soát Viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm Soát Viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 55. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm Soát Viên

- 55.1 Kiểm Soát Viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- 55.1.1 Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh Nghiệp;
- 55.1.2 Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc hoặc người nắm giữ các chức danh quản lý khác của Công Ty do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm;
- 55.1.3 Không được đồng thời là thành viên Hội Đồng Quản Trị hoặc người nắm giữ các chức danh quản lý của Công Ty do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm.
- 55.2 Kiểm Soát Viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công Ty.

Điều 56. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát

- 56.1 Ban Kiểm Soát thực hiện giám sát Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc trong việc quản lý và điều hành Công Ty.
- 56.2 Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 56.3 Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công Ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội Đồng Quản Trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại Hội Đồng Cổ Đông.

- 56.4 Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và canh bảo sớm của Công Ty.
- 56.5 Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 9.2 của Điều Lệ này.
- 56.6 Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 9.2 của Điều Lệ này, Ban Kiểm Soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm Soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.
- Việc kiểm tra của Ban Kiểm Soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội Đồng Quản Trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 56.7 Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị hoặc Đại Hội Đồng Cổ Đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty.
- 56.8 Khi phát hiện có thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm quy định tại Điều 51 của Điều Lệ này thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội Đồng Quản Trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 56.9 Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị và các cuộc họp khác của Công Ty.
- 56.10 Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công Ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- 56.11 Ban Kiểm Soát có thể tham khảo ý kiến của Hội Đồng Quản Trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- 56.12 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này, Luật Doanh nghiệp và nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông.
- Điều 57. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát**
- 57.1 Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội Đồng Quản Trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến các Kiểm Soát Viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- 57.2 Các nghị quyết và biên bản họp của Đại Hội Đồng Cổ Đông, Hội Đồng Quản Trị phải được gửi đến cho các Kiểm Soát Viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông, thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- 57.3 Báo cáo của Tổng Giám Đốc trình Hội Đồng Quản Trị hoặc tài liệu khác do Công Ty phát hành được gửi đến các Kiểm Soát Viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội Đồng Quản Trị.
- 57.4 Kiểm Soát Viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công Ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công Ty trong giờ làm việc.
- 57.5 Hội Đồng Quản Trị, thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công Ty theo yêu cầu của Kiểm Soát Viên hoặc Ban Kiểm Soát.

Điều 58. Trách nhiệm của Kiểm Soát Viên

- 58.1 Tuân thủ đúng pháp luật, Điều Lệ này, nghị quyết của Đại Hội Đồng Cổ Đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
- 58.2 Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công Ty.
- 58.3 Trung thành với lợi ích của Công Ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công Ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công Ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 58.4 Các nghĩa vụ khác theo quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh nghiệp.
- 58.5 Trường hợp vi phạm quy định tại các Điều 58.1, 58.2, 58.3, 58.4 mà gây thiệt hại cho Công Ty hoặc người khác thì Kiểm Soát Viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm Soát Viên có được phải hoàn trả cho Công Ty.
- 58.6 Trường hợp phát hiện có Kiểm Soát Viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội Đồng Quản Trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm Soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 59. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm Soát Viên

- 59.1 Kiểm Soát Viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - 59.1.1 Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm Soát Viên theo quy định tại Điều 55 của Điều Lệ này;
 - 59.1.2 Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - 59.1.3 Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- 59.2 Kiểm Soát Viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - 59.2.1 Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - 59.2.2 Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm Soát Viên quy định của Điều Lệ này và Luật Doanh nghiệp;
 - 59.2.3 Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông.

CHƯƠNG IV

THỐNG KÊ KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 60. Đồng tiền hạch toán

Công Ty sử dụng đồng Việt Nam là đơn vị tiền tệ trong hạch toán kế toán.

Điều 61. Năm tài chính

Năm tài chính của Công Ty bắt đầu từ ngày 1/1 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 hàng năm.

Điều 62. Báo cáo tài chính

Công Ty phải lập Báo cáo tài chính năm để trình Đại Hội Đồng Cổ Đông xem xét tại cuộc họp thường niên

Điều 63. Phân phối lợi nhuận

Sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật, đã thanh toán đủ (hoặc đã dành phần thanh toán đủ) các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đã đến hạn phải trả, Công Ty sẽ:

- 63.1 Trích lập Quỹ Khen thưởng và phúc lợi, với mức 8% lợi nhuận sau thuế hàng năm;
- 63.2 Việc chi thưởng trong Công Ty được thống nhất sử dụng từ Quỹ Khen thưởng và Phúc lợi nêu tại Điểm 63.1.

CHƯƠNG V

CON DẤU

Điều 64. Con dấu

- 64.1 Hình thức, nội dung và số lượng con dấu của Công Ty, của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công Ty sẽ do Hội Đồng Quản Trị quyết định.
- 64.2 Công Ty, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công Ty có thể có nhiều con dấu với hình thức và nội dung như nhau.
- 64.3 Việc quản lý và sử dụng con dấu Công Ty sẽ do Tổng Giám Đốc quyết định.
- 64.4 Việc quản lý và sử dụng con dấu của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công Ty sẽ do Giám đốc chi nhánh hoặc Trưởng văn phòng đại diện quyết định.

CHƯƠNG VI

TỔ CHỨC LẠI GIẢI THỂ

Điều 65. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công Ty

Công Ty thực hiện việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi theo các quy định tương ứng của Luật Doanh Nghiệp.

Điều 66. Giải thể Công Ty

- 66.1 Công Ty bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - 66.1.1 Theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông;
 - 66.1.2 Công Ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của Luật Doanh Nghiệp trong thời hạn sau (6) tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp; hoặc
 - 66.1.3 Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
- 66.2 Trình tự, thủ tục giải thể Công Ty sẽ theo quy định của Luật Doanh Nghiệp.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

- Điều 67. Hiệu lực của Điều Lệ, sửa đổi, bổ sung Điều Lệ
- 67.1 Điều Lệ này có 7 chương, 67 Điều và có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 67.2 Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công Ty không được quy định tại Điều Lệ này sẽ do Luật Doanh Nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan khác điều chỉnh.
- 67.3 Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ này sẽ do Đại Hội Đồng Cổ Đông quyết định

Đồng Nai, Ngày 27 tháng 4 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP QUỐC TẾ



ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TÊN: PHẠM TRUNG LÂM
CHỨC VỤ: TỔNG GIÁM ĐỐC



PHỤ LỤC SỬA ĐỔI
ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN DINH DƯỠNG NÔNG NGHIỆP
QUỐC TẾ
(Lần thứ nhất)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế (“Công ty”) ký ngày 27/04/2016 (“Điều lệ”);
- Căn cứ Nghị quyết số 03/2016/NQ-ĐHDCĐ của Đại hội đồng cổ đông Công ty ngày 31/05/2016; và
- Căn cứ Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty ngày 31/05/2016,

Điều 1: Sửa đổi Điều 6.5 của Điều lệ Công ty như sau:

“6.5 Thông tin về người đại diện theo pháp luật của Công Ty:

Ông: **PHẠM TRUNG LÂM**

Sinh ngày: 09/8/1973 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

CMND số: 024799922 Ngày cấp: 23/9/2007 Nơi cấp: Công an TP. HCM

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 967W6 Đoàn Văn Bơ, phường 10, quận 4, TP. HCM

Chức vụ: **Tổng Giám Đốc**”

Điều 2: Phụ lục sửa đổi Điều lệ lần thứ nhất này thay thế các điều khoản tương ứng của Điều lệ và có hiệu lực kể từ ngày ký. Các điều khoản khác của Điều lệ vẫn giữ nguyên giá trị và hiệu lực pháp lý.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 5 năm 2016



PHẠM TRUNG LÂM

C.T.C.P. 1/1